

Phụ lục 1

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 THEO CÁC NGUỒN VỐN**

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi							Dự kiến kế hoạch năm 2026	Ghi chú
		Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao	Ước giải ngân đến 31/8/2025			Ước giải ngân đến 31/12/2025			
				Giá trị	Tỷ lệ giải ngân so với TTCP giao	Tỷ lệ giải ngân so với HĐND tỉnh giao	Giá trị	Tỷ lệ giải ngân so với TTCP giao		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG	7,866,644	10,325,377	3,836,164	49%	37%	7,466,282	95%	7,199,570	
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2,775,624	2,731,911	1,614,854	58%	59%	2,636,843	95%	2,612,569	
1	Vốn trong nước	2,753,996	2,710,283	1,609,654	58%	59%	2,616,296	95%	2,537,401	
	Trong đó									
-	Vốn theo ngành, lĩnh vực	1,573,866	1,573,866	946,987	60%	60%	1,495,173	95%	1,600,000	
	+ Vốn hỗ trợ có mục tiêu theo ngành, lĩnh vực	1,401,866	1,401,866	849,552	61%	61%	1,331,773	95%	1,600,000	
	+ Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác	172,000	172,000	97,435	57%	57%	163,400	95%		
-	Vốn các Chương trình MTQG	1,180,130	1,136,417	662,667	56%	58%	1,121,124	95%	937,401	
2	Vốn nước ngoài	21,628	21,628	5,200	24%	24%	20,547	95%	75,168	
-	Vốn ODA	15,310	15,310	3,200	21%	21%	14,545	95%	75,168	
-	Vốn thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	6,318	6,318	2,000	32%	32%	6,002	95%		

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi							Dự kiến kế hoạch năm 2026	Ghi chú
		Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao	Ước giải ngân đến 31/8/2025			Ước giải ngân đến 31/12/2025			
				Giá trị	Tỷ lệ giải ngân so với TTCP giao	Tỷ lệ giải ngân so với HĐND tỉnh giao	Giá trị	Tỷ lệ giải ngân so với TTCP giao		
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5,091,020	7,593,466	2,221,311	44%	29%	4,829,439	95%	4,587,001	
1	Vốn XDCB tập trung của tỉnh	2,936,620	2,936,620	1,688,411	57%	57%	2,789,789	95%	3,107,000	
2	Xổ số kiến thiết	207,000	207,000	144,900	70%	70%	196,650	95%	277,000	
3	Nguồn thu tiền sử dụng đất và các nguồn hợp pháp khác	1,940,000	4,442,446	388,000	20%	9%	1,843,000	95%	1,181,500	
4	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	7,400	7,400				-		21,501	
5	Nguồn chi đầu tư phát triển khác (Thực hiện đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai)		58,000				-			